TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOẰNG HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:43/2025/DS-ST
Ngày 20/6/2025.
V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Cao Thị Nga.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vương Thị Liên
Bà Trịnh Thị Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kiều Oanh - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 78/2024/TLST-DS ngày 31/10/2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:74/2025/QĐXXST-DS ngày 15/5/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 93/QĐST ngày 02/6/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ngân hàng TMCP V (V1)

Địa chỉ: Tòa V, số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Hoàng L - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý. (Theo văn bản ủy quyền số 38a/2024/UQN-CTQT ngày 01/6/2024 của Chủ tịch HĐQT).

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Tống Thị L1 - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (Theo văn bản ủy quyền số 25/2024/UQ- VPB ngày 20/9/2024 của Giám đốc trung tâm thu hồi nợ). Có mặt.

2. Công ty cổ phần M.

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà V, số I D, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T - Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Cao Duy T1 - Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ miền B (Theo văn bản ủy quyền số 02/2024/UQ-GĐ ngày 19/4/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần M).

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thế T2 - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (Theo văn bản ủy quyền số 1847/2024/UQ- MARS .VPB ngày 20/9/2024 của Trưởng phòng xử lý nợ miền Bắc Công ty cổ phần M). Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959 và ông Nguyễn Duy C, sinh năm 1956. Vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện ngày 20/9/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V trình bày:*

Ngày 08/3/2021 Ngân hàng Thương mại cổ phần V (VPBanhk) và bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Duy C ký hợp đồng cho vay hạn mức số LN2102263418748 ngày 08/3/2021 vay số tiền là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Mục đích vay để tiêu dùng mua sắm nội thất, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 11,5%, lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ, cố định trong vòng 03 tháng kể từ ngày 09/3/2021. Hết hạn 03 tháng lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần vào các ngày 01/01; 01/4; 01/7 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiền là ngày 09/6/20221, sau đó ngày 01/7/2021, mức điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản đảm bảo giành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 84 tháng + biên độ 4%, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn từ thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản tiền lãi của bên vay bị chuyển quá hạn đến thời điểm bên vay thanh toán hết khoản tiền lãi quá hạn. Hình thức trả góp hàng kỳ.

Ngày 13/4/2021 ông C, bà H ký Hợp đồng thẻ tín tín dụng số 005-P-142750 vay số tiền 8.800.000 đồng; mục đích vay phục vụ nhu cầu đời sống, lãi suất theo quy định của V1 từng thời kỳ.

Để đảm bảo cho khoản vay ông C, bà H đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 147 tờ bản đồ số 05 (E_48_08_137_f), diện tích 180,5m^2 đất ở nông thôn tại địa chỉ thôn B (nay là thôn L), xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE725090, số vào sổ cấp GCN: H003481 do UBND huyện H cấp ngày 03/11/2006 cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Duy C theo Hợp đồng thế chấp số LN2102263418748 ngày 08/3/2021 tại Văn phòng C1, số công chứng 1967, quyển số 01/2021TP/CC-SCC-HĐGD.

Kể từ ngày 06/02/2024 bà H, ông C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBanhk nên toàn bộ các khoản vay đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Ngày 29/5/2024 VPBanhk đồng ý bán và Công ty cổ phần M đồng ý mua một phần khoản nợ phát sinh theo các hợp đồng tín dụng/ hợp đồng cho vay ký giữa VPBanhk với bà H, ông C, cụ thể: Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo hợp đồng cho vay số LN2102263418748 ngày 08/3/2021 và 100% hợp đồng thẻ tín dụng số 005-P-142750 ngày 13/4/2021.(Theo hợp đồng mua bán nợ số 04/2024/VBP-MARS ngày 30/5/2024)

Căn cứ vào quy định của pháp luật, Công ty cổ phần M kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ của VPBanhk phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định của pháp luật, đồng thời VPBanhk tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho Công ty cổ phần M.

Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình VPBanhk đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Duy C thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền còn nợ cho VPBanhk số tiền tạm tính đến ngày 20/6/2025, cụ thể như sau: Nợ gốc 27.944.433 đồng, lãi trong hạn 10.025.199 đồng, lãi quá hạn 2.677.951 đồng. Tổng: 40.647.583 đồng và đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 21/6/2025 cho đến khi bà H, ông C thanh toán hết toàn bộ khoản nợ, lãi suất được tính theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Với số tiền nợ còn lại (90%) theo hợp đồng cho vay số LN2102263418748 ngày 08/3/2021 và 100% hợp đồng thẻ tín dụng số 005-P-142750 ngày 13/4/2021, quyền đòi nợ thuộc về Công ty Cổ phần M .

Trường hợp ông C, bà H không trả được nợ cho V1, V1 đề nghị Tòa án tuyên bố V1 được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để xử lý, thu hồi nợ toàn bộ công nợ cho Ngân hàng. Trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản thuộc quyền sở hữu của ông C, bà H để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo Bản án của Tòa án cho đến khi ông C, bà H hết nghĩa vụ với Ngân hàng V1.

2. *Đại diện Công ty cổ phần M trình bày:*

Ngày 29/5/2024 V1 đồng ý bán và Công ty cổ phần M đồng ý mua một phần khoản nợ phát sinh theo các hợp đồng tín dụng/ hợp đồng cho vay ký giữa VPBanhk với bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Duy C, cụ thể: Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo hợp đồng cho vay số số LN2102263418748 ngày 08/3/2021 và 100% hợp đồng thẻ tín dụng số 005-P-142750 ngày 13/4/2021.(Theo hợp đồng mua bán nợ số 04/2024/VBP-MARS ngày 30/5/2024).

Ngày 20/9/2024 Công ty cổ phần M đã thông báo cho ông C, bà H được biết việc bán một phần khoản nợ và chuyển giao quyền đòi nợ và yêu cầu thanh toán toàn bộ khoản nợ.

Căn cứ vào quy định của pháp luật, Công ty cổ phần M kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ của VPBanhk phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định của pháp luật.

Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình Công ty cổ phần M đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Duy C thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền còn nợ cho Công ty cổ phần M số tiền tạm tính đến ngày 20/6/2025, cụ thể như sau:

Nợ gốc 90% khoản nợ phát sinh theo hợp đồng cho vay số LN2102263418748 ngày 08/3/2021 là 251.499.899 đồng, lãi trong hạn 79.363.084 đồng, lãi quá hạn 24.101.556 đồng. Tổng: **354.964.539 đồng.**

Nợ gốc 100% hợp đồng thẻ tín dụng số 005-P-142750 ngày 13/4/2021 là 8.548.302 đồng, lãi 10.863.707 đồng. Tổng 19.412.009 đồng.

Tổng: 374.376.548 đồng và đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 21/6/2025 cho đến khi bà H, ông C thanh toán hết toàn bộ khoản nợ, lãi suất được tính theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp ông C, bà H không trả được nợ cho Công ty cổ phần M thì Công ty cổ phần M đề nghị Tòa án tuyên bố Công ty cổ phần M được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để xử lý, thu hồi nợ toàn bộ công nợ cho Công ty cổ phần M. Trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ, thì Công ty cổ phần M có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản thuộc quyền sở hữu của ông C, bà H để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo Bản án của Tòa án cho đến khi ông C, bà H hết nghĩa vụ với Công ty cổ phần M.

3. Quá trình giải quyết vụ án, ông C, bà H không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã về tại địa phương, xác minh về việc có mặt, vắng mặt tại nơi cư trú của ông C, bà H, kết quả thể hiện: Ông Nguyễn Duy C, bà Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại thôn L, xã H, huyện H. Hiện tại cả hai vợ chồng ông C, bà H và con gái đã đi làm thuê tại Hà Nội từ cuối năm 2021 đầu năm 2022 đến nay không về, kể cả ngày tết, ngày nghỉ lễ cũng không thấy ông C, bà H về, chỉ thấy con trai của ông C, bà H thi thoảng về qua nhà mở cửa sau đó lại đi luôn, địa chỉ cụ thể nơi làm thuê của ông C, bà H và địa chỉ của các con ông C, bà H địa phương không biết. Hiện nay nhà đóng cửa không có ai ở, ông C, bà H không có mặt tại phương. Các văn bản tố tụng của Tòa án đã được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết tại thôn L và UBND xã H theo đúng quy định.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp thể hiện: Theo Giấy chứng nhận QSD đất số AE725090, số vào sổ cấp GCN: H00318 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 03/11/2006 cho ông Nguyễn Duy C và bà Nguyễn Thị H ở thôn T (nay là thôn L), xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, có diện tích 180,5m^2 tại thửa đất số 147 tờ bản đồ 05 (E_48_08_137_f) bản đồ địa chính xã H, có tứ cạnh: Phía Bắc giáp thửa hộ ông Doãn Văn T3, số đo 23,33m; phía Nam giáp thửa ông Doãn văn T4, số đo 23,16m; phía Đông giáp thửa ông Doãn văn T5, số đo 7,26m; phía Tây giáp đường liên thôn, số đo 8,51m và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà ở cấp bốn 02 tầng, tường xây gạch, khung cột bê tông chịu lực, mái bê tông cốt thép; diện tích xây dựng 73,2m^2; diện tích sàn 146,4m^2; 01 bán bình lợp tôn diện tích 53,8m^2; 01 khu công trình phụ đổ bằng, diện tích 45m^2; tường xây phía Tây dài 4,59m, cao 1,9m; tường xây phía nam dài 16,94m, cao 1,2m, sân gạch đỏ 64,6m^2

Tại hợp đồng thế chấp số LN2102263418748 ngày 08/3/2021 ký giữa ông Nguyễn Duy C, bà Nguyễn Thị H và Ngân hàng V1 được công chứng tại Văn phòng C1, số công chứng 1967, quyển số 01/2021TP/CC-SCC-HĐGD thể hiện:

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AE725090 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 03/11/2026. Bên thế chấp cam kết và xác nhận rằng mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với tài sản thế chấp đều thuộc tài sản thế chấp và đều đảm bảo cho các nghĩa vụ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào nội dung khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M với bị đơn là ông Nguyễn Duy C, bà Nguyễn Thị H có địa chỉ tại thôn L, xã H, huyện H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Hoằng Hoá theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Duy C, bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay hạn mức số LN2102263418748

ngày 08/3/2021 và Hợp đồng thẻ tín tín dụng số 005-P-142750 ngày 13/4/2021. Trong đó phần nghĩa vụ với V1 là 10%, phần nghĩa vụ với Công ty Cổ phần M là 90% hợp đồng cho vay hạn mức và 100% thẻ tín dụng. Đề nghị tuyên bố quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi khoản vay này khi ông C, bà H không thực hiện được việc trả nợ.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Công ty Cổ phần M.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Nguyễn Duy C, bà Nguyễn Thị H có địa chỉ thường trú tại xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về tư cách tố tụng: Ngân hàng V1 và Công ty Cổ phần M khởi kiện ông Nguyễn Duy C, bà Nguyễn Thị H nên Ngân hàng V1 và Công ty Cổ phần M là đồng nguyên đơn, ông Nguyễn Duy C, bà Nguyễn Thị H là bị đơn trong vụ án.

[1.3]. Sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn ông Nguyễn Duy C, bà Nguyễn Thị H vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án đã về tại địa phương làm việc nhưng ông C, bà H vắng mặt tại nơi cư trú. Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết tại thôn L và UBND xã H, huyện H các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 02/6/2025, ông C, bà H vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa, ấn định thời gian xét xử lại vụ án và đã niêm yết ngay Quyết định hoãn phiên tòa tại thôn L và UBND xã H. Tại phiên tòa lần thứ hai, ông C, bà H vắng mặt không có lý do.

Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C, bà H là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về Nội dung tranh chấp:

[2.1] Về số tiền vay:

Ngày 08/3/2021 ông Nguyễn Duy C, bà Nguyễn Thị H ký với VPBanhk hợp

đồng tín dụng số: LL2102263418748, vay số tiền là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), ngày 13/4/2021 ông C, bà H ký Hợp đồng thẻ tín tín dụng số 005-P-142750 vay số tiền 8.800.000 đồng.

Ngày 29/5/2024 VPBanhk bán một phần khoản nợ phát sinh theo các hợp đồng cho Công ty cổ phần M, cụ thể: Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo hợp đồng cho vay số LN2102263418748 ngày 08/3/2021 và 100% hợp đồng thẻ tín dụng số 005-P-142750 ngày 13/4/2021.

Do ông C, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các điều khoản trong hợp đồng tín dụng đã ký, vi phạm nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên V1 và Công ty cổ phần M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông C, bà H phải thanh toán một phần 10% còn lại hợp đồng tín dụng số: LL2102263418748 ngày 08/3/2021 cho V1 và 90% khoản nợ của của hợp đồng tín dụng số: LL2102263418748 ngày 08/3/2021, 100% khoản nợ theo hợp đồng thẻ tín dụng số 005-P-142750 ngày 13/4/2021 cho Công ty cổ phần M.

Hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Nay đã quá hạn trả nợ nhưng ông C, bà H không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm cam kết của hợp đồng tín dụng. Như vậy, việc V1 và Công ty Cổ phần M khởi kiện yêu cầu ông C, bà H trả toàn bộ số nợ gốc và lãi theo hai hợp đồng tính đến ngày 20/6/2025, cụ thể: Ông C, bà H phải có nghĩa vụ đối với Công ty Cổ phần M 90% giá trị hợp đồng tín dụng số LL2102263418748 ngày 08/3/2021; 100% giá trị hợp đồng thẻ tín dụng số 005-P-142750 ngày 13/4/2021 với tổng số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn của hai hợp đồng là 374.376.548 đồng và 10% nghĩa vụ còn lại cho V1 theo hợp đồng tín dụng với tổng số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn là 40.647.583 và tính lãi của hai hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành xong việc trả nợ.

[2.2] Tài sản bảo đảm và xử lý tài sản bảo đảm:

[2.2.1]. Tài sản bảo đảm

Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số: LL2102263418748 ngày 08/3/2021 và hợp đồng thẻ tín dụng số 005-P-142750 ngày 13/4/2021 có bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp tài sản số LN2102263418748 ngày 08/3/2021 được công chứng tại Văn phòng C1. Hợp đồng thế chấp được các bên xác lập tuân thủ đúng quy định về nội dung, hình thức, chủ thể giao kết hợp đồng có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự nên Hợp đồng công chứng là hợp pháp.

Theo thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp, tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 180,5m^2 tại thửa đất số 147 tờ bản đồ 05 (E_48_08_137_f), bản đồ địa chính xã H tại Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa đã được cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AE725090, số vào sổ

cấp GCN: H00318 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 03/11/2006 cho ông Nguyễn Duy C và bà Nguyễn Thị H, có tứ cạnh: Phía Bắc giáp thửa hộ ông Doãn Văn T3, số đo 23,33m; phía Nam giáp thửa ông Doãn văn T4, số đo 23,16m; phía Đông giáp thửa ông Doãn Văn T5, số đo 7,26m; phía Tây giáp đường liên thôn, số đo 8,51m.

Tài sản gắn liền với đất gồm: 01 nhà ở cấp bốn 02 tầng, tường xây gạch, khung cột bê tông chịu lực, mái bê tông cốt thép; diện tích xây dựng 73,2m^2; diện tích sàn 146,4m^2; 01 bán bình lợp tôn diện tích 53,8m^2; 01 khu công trình phụ đổ bằng, diện tích 45m^2; tường xây phía Tây dài 4,59m, cao 1,9m; tường xây phía nam dài 16,94m, cao 1,2m, sân gạch đỏ 64,6m^2

[2.2.2]. Về xử lý tài sản bảo đảm:

Theo thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp số LN2102263418748 ngày 08/3/2021 ký giữa ông Nguyễn Duy C, bà Nguyễn Thị H và Ngân hàng V1 thể hiện: Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AE725090, số vào sổ cấp GCN: H00318 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 03/11/2006. Bên thế chấp cam kết và xác nhận rằng mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với tài sản thế chấp đều thuộc tài sản thế chấp và đều đảm bảo cho các nghĩa vụ, thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp pháp. Trường hợp ông C, bà H không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số LL2102263418748 ngày 08/3/2021 và hợp đồng thẻ tín dụng số 005-P-142750 ngày 13/4/2021 thì Ngân hàng V1 và Công ty Cổ phần M được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự huyện H kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 147 tờ bản đồ 05 (E_48_08_137_f), bản đồ địa chính xã H tại Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AE725090 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 03/11/2006 cho ông Nguyễn Duy C và bà Nguyễn Thị H.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm, nếu không đủ để trả nợ gốc và tiền lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng số LL2102263418748 ngày 08/3/2021 và hợp đồng thẻ tín dụng số 005-P-142750 ngày 13/4/2021 thì ông C, bà H còn phải liên đới tiếp tục thực hiện nghĩa trả nợ cho Ngân hàng V1 và Công ty Cổ phần M bằng các tài sản khác thuộc sở hữu của ông C, bà H cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay của hợp đồng tín dụng số LL2102263418748 ngày 08/3/2021 và hợp đồng thẻ tín dụng số 005-P-142750 ngày 13/4/2021.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Duy C và bà Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho Công ty cổ phần M số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Hoằng Hóa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 235; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 288; Điều 317; Điều 318; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ngày 20/9/2024 của Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M.

2. Buộc ông Nguyễn Duy C và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số LL2102263418748 ngày 08/3/2021 và hợp đồng thẻ tín dụng số 005-P-142750 ngày 13/4/2021 tính đến ngày 20/6/2025 là 415.024.131 đồng (*Bốn trăm mười lăm triệu không trăm hai bốn nghìn một trăm ba mốt đồng*).

Trong đó:

- Ông C, bà H phải thanh toán cho Ngân hàng V1 tổng số tiền (10% hợp đồng cho vay số LN2102263418748 ngày 08/3/2021) là 40.647.583 đồng (Bốn mươi triệu sáu trăm bốn bảy nghìn năm trăm tám ba đồng) gồm: Nợ gốc 27.944.433 đồng, lãi trong hạn 10.025.199 đồng, lãi quá hạn 2.677.951 đồng.

- Ông C, bà H phải thanh toán cho Công ty Cổ phần M tổng số tiền là 374.376.548 đồng (Ba trăm bảy tư triệu, ba trăm bảy sáu nghìn, năm trăm bốn tám đồng) gồm:

Nợ gốc 90% của hợp đồng cho vay số LN2102263418748 ngày 08/3/2021 là 251.499.899 đồng, lãi trong hạn 79.363.084 đồng, lãi quá hạn 24.101.556 đồng. Tổng: 354.964.539 đồng.

Nợ gốc 100% hợp đồng thẻ tín dụng số 005-P-142750 ngày 13/4/2021 là 8.548.302 đồng, lãi 10.863.707 đồng. Tổng 19.412.009 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/6/2025) cho đến khi thi hành án xong ông C, bà H còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số dư nợ gốc

cho đến khi tất toán khoản nợ. Lãi suất được tính theo các Hợp đồng tín dụng tương ứng trên số nợ gốc ông C, bà H có nghĩa vụ với Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V.

Trường hợp ông C, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số LL2102263418748 ngày 08/3/2021 và hợp đồng thẻ tín dụng số 005-P-142750 ngày 13/4/2021 thì Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự huyện H kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp QSD đất số LL2102263418748 ngày 08/3/2021 gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 180,5m^2 tại thửa đất số 147 tờ bản đồ 05 (E_48_08_137_f) bản đồ địa chính xã H, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số số AE725090, số vào sổ cấp GCN: H00318 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 03/11/2006 cho chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Duy C và bà Nguyễn Thị H ở thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, có tứ cạnh: Phía Bắc giáp thửa hộ ông Doãn Văn T3, số đo 23,33m; phía Nam giáp thửa ông Doãn Văn T4, số đo 23,16m; phía Đông giáp thửa ông Doãn Văn T5, số đo 7,26m; phía Tây giáp đường liên thôn, số đo 8,51m và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà ở cấp bốn 02 tầng, tường xây gạch, khung cột bê tông chịu lực, mái bê tông cốt thép; diện tích xây dựng 73,2m^2; diện tích sàn 146,4m^2; 01 bán bình lợp tôn diện tích 53,8m^2; 01 khu công trình phụ đổ bằng, diện tích 45m^2; tường xây phía Tây dài 4,59m, cao 1,9m; tường xay phía nam dài 16,94m, cao 1,2m, sân gạch đỏ 64,6m^2

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm, nếu không đủ để trả nợ gốc và tiền lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng số LL2102263418748 ngày 08/3/2021 và hợp đồng thẻ tín dụng số 005-P-142750 ngày 13/4/2021 thì ông C, bà H còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa trả nợ cho Ngân hàng V1 và Công ty Cổ phần M bằng các tài sản khác thuộc sở hữu của ông C, bà H cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay của hợp đồng tín dụng số LL2102263418748 ngày 08/3/2021 và hợp đồng thẻ tín dụng số 005-P-142750 ngày 13/4/2021.

3. Án phí: Buộc bị đơn ông Nguyễn Duy C và bà Nguyễn Thị H phải chịu 20.751.206 đồng (*Hai mươi triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn hai trăm lẽ sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty cổ phần M số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 9.327.000 đồng (*Chín triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0004033 ngày 29/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án mà người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

Cao Thị Nga